

Tập 202

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ năm:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(經)舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy).*

Tổng kết một khoa lớn này, chúng ta xem chú giải của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Kết thượng Thanh Văn, Bồ Tát đệ tử trang nghiêm, giai bỉ Phật tức nhân, nguyện hạnh, công đức chi sở thành tựu dã. Luận vân: “Nhu Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh”, thị dã.

(疏)結上聲聞菩薩弟子莊嚴，皆彼佛宿因願行功德之所成就也。論云：如來淨華眾，正覺華化生。是也。

(Sớ:) *Tổng kết sự trang nghiêm của đệ tử Thanh Văn, Bồ Tát như đã nói trên đây, đều được thành tựu bởi nguyện hạnh và công đức nơi tức nhân của đức Phật ấy. Vãng Sanh Luận nói: “Các thứ hoa thanh tịnh của Như Lai, hoa Chánh Giác hóa sanh” là nói về điều này).*

Đoạn này giới thiệu đại chúng từ mười phương vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh nói trong số đó có Thanh Văn chúng, Bồ Tát chúng, và nhân, thiên chúng. Chúng ta đã đọc thấy cách nói này trong kinh Vô Lượng Thọ, đó là nói phương tiện; nói chân thật thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Bồ Tát. Nói Thanh Văn hay nói trời, người là có hai dụng ý:

1) Một là [nói về] thân phận [của những vị ấy] trước khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như chúng ta vãng sanh sẽ là nhân, thiên chúng. Nếu là người tu Tiểu Thừa chúng đắc từ Sơ Quả trở lên, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ được coi là Thanh Văn chúng. Đây là một cách nói.

2) Một cách nói khác là sau khi đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, [xét theo] công phu tu học đoạn chúng: Hoàn toàn chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, tuy là Bồ Tát, là Bồ Tát trong Viên Giáo từ địa vị Sơ

Tín cho đến địa vị Lục Tín, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng đoạn hết, nên coi như nhân, thiên chúng. Từ Thất Tín đến mãn tâm Thập Tín được coi là Thanh Văn chúng. Từ Sơ Trụ trở lên sẽ là Bồ Tát chúng. Nói theo cách như vậy.

Nói theo công phu tu học đoạn chứng bèn có hai ý nghĩa ấy. Từ kinh Đại Bản, chúng ta có thể thấy được những điều ấy.

Sự trang nghiêm trong thế giới Tây Phương chẳng giống thế giới này. Thế giới này được thành tựu bởi nhân duyên của nghiệp thiện ác. Do vì thế giới này người ác đông, người lành ít, trong tâm của kẻ bình phàm ác niệm nhiều, thiện niệm ít. Đối với tiêu chuẩn thiện ác, hễ khởi tâm động niệm mà niệm thứ nhất luôn nghĩ đến chính mình, nghĩ tới có lợi hay có hại cho chính mình, Phật pháp gọi niệm ấy là ác niệm. Trong hết thảy các thứ tạo tác của chúng ta, thứ nhất là nghĩ đến bản thân, nghĩ tới lợi ích của chính mình, đó là ác nghiệp, tạo tác ác nghiệp. Bồ Tát chẳng vậy! Bồ Tát niệm niệm nghĩ đến hết thảy chúng sanh, niệm niệm vì tạo phước cho hết thảy chúng sanh. Đó là sự nghiệp của Bồ Tát. Do đó, nhân duyên của hai thế giới khác hẳn. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những chỗ này, do chúng có mối quan hệ mật thiết đối với sự cầu sanh Tây Phương của chúng ta. [Điều này] thật sự đã cảnh tỉnh chúng ta, vãng sanh Tây Phương không chỉ là niệm một câu Phật hiệu, Phật hiệu phải niệm cho đặc lực. Đặc lực là như thế nào? Niệm đến mức tâm chúng ta thanh tịnh, những vọng tưởng Ngã và Ngã Sở dần dần phai nhạt. Phật hiệu có sức mạnh khắc phục những vọng niệm ấy thì mới có thể vãng sanh. Chúng ta thường nói là “*đời nghiệp vãng sanh*”.

Duyên của người trong thế giới Tây Phương thù thắng, “*giai bỉ Phật tức nhân nguyện hạnh công đức chi sở thành tựu*” (đều được thành tựu bởi nguyện hạnh và công đức nơi tức nhân của đức Phật ấy), điều này thù thắng! “*Bỉ Phật*” là A Di Đà Phật. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi công đức nơi đại nguyện và đại hạnh của A Di Đà Phật trong đời quá khứ. Đó là chỗ khác hẳn các thế giới của hết thảy chư Phật trong mười phương, đó là một thế giới đặc biệt.

“*Luận vân*” (Luận nói), trong Vãng Sanh Luận có hai câu kệ là “*Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh*” [được sách Diễn Nghĩa giải thích như sau].

(Diễn) Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh giả, tịnh hoa tức thất tịnh hoa dã, Như Lai nhân trung tu thất tịnh hoa, quả thượng thành Phật.

(演) 如來淨華眾，正覺華化生者，淨華即七淨花也，如來因中修七淨花，果上成佛。

(Diễn: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh”: “Tịnh hoa” là Thất Tịnh Hoa. Trong khi tu nhân, Như Lai tu bảy loại tịnh hoa, đắc quả là thành Phật).

“Thất tịnh hoa” còn gọi là tịnh nghiệp, nêu ra bảy điều, nói hết sức cụ thể. “Bảy” mang ý nghĩa biểu thị pháp, chẳng phải là một con số cố định, mà là tượng trưng cho sự viên mãn. Nói cách khác, tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chúng ta đều phải thanh tịnh. Như thế nào thì mới có thể đạt được thanh tịnh thật sự? Thanh tịnh viên mãn rốt ráo thì ắt phải xa lìa Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não. Đó là thanh tịnh viên mãn rốt ráo chỉ có Phật và các vị đại Bồ Tát mới chứng đắc. Chúng ta là kẻ sơ học, chẳng có cách nào đạt tới cảnh giới này. Chúng ta hy vọng trong một đời này, chẳng đạt đến viên mãn thì cũng có thể đạt được ít phần. Ít phần là phải đoạn trừ Kiến Tư phiền não. Dầu chẳng thể đoạn thì nói chung Kiến Tư phiền não phải ngày càng nhạt mỏng hơn, như vậy là được. Ngày càng thật sự nhạt mỏng hơn, Phật hiệu bèn có sức mạnh; có điều kiện đời nghiệp vãng sanh như vậy thì mới có thể vãng sanh! Nếu Phật hiệu chẳng thể chế phục Kiến Tư phiền não, Phật hiệu sẽ biến thành phước báo hữu lậu trong thế gian, chẳng thể vãng sanh! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý điều này. Trong nhân địa, hết thảy chư Phật đều tu tịnh nghiệp. “Tu thất tịnh hoa” là tu tịnh nghiệp; do đó, Ngài có thể thành Phật.

(Diễn) Cổ Chánh Giác hóa sanh, Chánh Giác hoa chỉ tam thừa hiền thánh, dĩ tam thừa hiền thánh, tương lai thành Đẳng Chánh Giác, xưng Chánh Giác chi hoa dã.

(演) 故正覺化生，正覺華指三乘賢聖，以三乘賢聖，將來成等正覺，稱正覺之花也。

(Diễn: Vì thế, Chánh Giác hóa sanh: [Từ ngữ] Hoa Chánh Giác chỉ tam thừa hiền thánh, bởi tam thừa hiền thánh sẽ thành Đẳng Chánh Giác trong tương lai, nên gọi là “hoa Chánh Giác”).

Tam Thừa thánh nhân là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn Kiến Tư thì là Chánh Giác, A La Hán và Bích Chi Phật đều gọi là

Chánh Giác. Lại đoạn Trần Sa thì là Chánh Đẳng Chánh Giác; phá sạch vô minh thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó, gọi là “*Chánh Giác chi hoa*”.

(Diễn) Kinh vân: “Trực tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh lai sanh kỳ quốc” đặng, chánh thử ý dã.

(演)經云：直心是菩薩淨土，菩薩成佛時，不諂眾生來生其國等。正此意也。

(Diễn: Kinh nói: “Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chẳng siểm nịnh chúng sanh để họ sanh về nước mình” v.v... chính là ý này).

Kinh Duy Ma nói “*trực tâm là đạo tràng*”. Trực tâm là Bồ Đề tâm; Bồ Đề bao gồm trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Vì thế, “*trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát*”. Khi Bồ Tát thành Phật, tuyệt đối chẳng bỏ dỡ các chúng sanh. “*Siểm*” (諂) là siểm mị, bỏ dỡ, [chư Phật] trọn chẳng mong cầu quý vị sanh về chỗ các Ngài. Quý vị ngàn vạn phần đừng nhìn sai lầm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chẳng cầu chúng ta, chỉ có chúng ta cầu Ngài. Ngài có nguyện, tuy có nguyện mà chẳng có tâm. Nếu A Di Đà Phật có tâm “ta đã phát nguyện khiến cho quý vị đều đến, có sao vẫn chẳng đến?” Vậy thì A Di Đà Phật sẽ biến thành phạm phu. A Di Đà Phật có nguyện, chẳng có tâm, chư vị nhất định phải biết điều này. Chúng ta học Phật cũng phải nên học theo tâm thái của Phật, chúng ta phát nguyện, chớ nên hằng ngày dùng vọng tâm để cầu đảo, [dùng vọng tâm cầu khẩn] là sai mất rồi! Hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều để cho nó mặc tình tùy duyên, chúng ta sẽ tự tại. Cũng có người nói “sống mặc tình tùy duyên sẽ khổ lắm!” Quý vị có cảm thụ sướng, khổ, sẽ chẳng thể mặc tình tùy duyên. Mặc tình tùy duyên là hai bên khổ và lạc đều bỏ. Nói cách khác, người ấy có chân lạc.

Khi Phật pháp chưa truyền sang Trung Hoa, chỉ có một người được Khổng lão phu tử tán thán là Nhan Hối. Nhan Hối sống cuộc đời rất kham khổ, “*nhất đan thực, nhất biểu ẩm*” (một giỏ cơm, một bầu nước). “*Đan*” (簞) là một vật do trúc đan thành. Ông ta ăn cơm chẳng có chén bát, dùng giỏ để đựng cơm; uống nước chẳng có chén trà, dùng quả bầu [đựng nước]. Giỏ cơm, bầu nước, trong nhà chén bát đều chẳng có, nghèo đến mức như vậy! “*Cư lậu hạng*” (Sống trong ngõ nghèo hèn), Khổng lão phu tử nói “*nhân bất kham kỳ ưu*” (người khác chẳng thể chịu đựng nỗi lo âu ấy):

Xét theo người bình phàm, cuộc sống ấy khổ quá, tất nhiên sẽ lo sầu, nhưng Nhan Hồi quên bằng chuyện ấy, ông ta “*bất cái kỳ lạc*” (chẳng thay đổi niềm vui), suốt ngày từ sáng đến tối vui sướng khôn cùng. Ông ta vui bởi điều gì? Điều khiến ông ta vui sướng là đạo. Nếu chúng ta còn lo nghĩ cho cuộc sống, chẳng có đạo tâm, chẳng gọi là “*mặc sức tùy duyên*”.

Trong Phật môn, gia đình Bàng cư sĩ có thể nói là thật sự đặc đạo. Nhà ông ta vốn rất giàu có, vàng, bạc, của cải trong nhà đều vứt bỏ, không cần tới, chắt toàn bộ lên một chiếc thuyền, chèo ra chỗ nước xoáy giữa sông, quăng chìm xuống nước, thả đều từ bỏ. Có người hỏi ông: “Ngài chẳng cần những tài vật ấy, đem quyền tặng để làm một chút sự nghiệp từ thiện chẳng phải là rất tốt ư?” Lão nhân gia đáp: “Chuyện tốt chẳng bằng vô sự”, để lại cho người đời sau câu danh ngôn ấy. Sau đây, ông ta sống như thế nào? Bện thảo hài tức là dùng rơm rạ để bện thành giày. Bện một đôi giày rơm có thể bán được hai đồng, hai ba phân tiền, bện mấy đôi giày để bán hồng sống qua ngày hôm nay. Để sống ngày mai thì ngày mai lại làm việc. Nói theo bọn phàm nhân chúng ta sẽ là: “Sao mà khổ thế? Cuộc sống như vậy mà còn sống nổi ư?” [Thế nhưng] cả nhà ông ta vui sướng khôn sánh, người thế gian chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này!

Nay chúng ta học Phật, thường là trong ngân hàng hãy còn cất một ít tiền thì mới sống được, làm sao có thể sánh bằng cổ nhân? Nay chúng ta học Phật là vô ưu vô lự, có nhà để ở, cuộc sống chẳng thành vấn đề, an tâm học đạo. Người ta thứ gì cũng đều chẳng có, họ cũng an tâm học đạo, tâm địa thật sự thanh tịnh, quyết định chẳng có tâm siểm nịnh. Nói cách khác, tham, sân, si, mạn thấy đều đoạn sạch, tâm địa thanh tịnh dường ấy! Tây Phương Cực Lạc thế giới tiếp dẫn loại chúng sanh nào? Chúng sanh thân tâm thanh tịnh, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Chúng ta phải biết điều này, thân tâm thanh tịnh, có nguyện vãng sanh, nhất định được vãng sanh.

(Sao) Nguyện giả.

(鈔) 願者。

(Sao: Nguyện là...).

Giải thích chữ “*nguyện hạnh*” trong đoạn trước “*bỉ Phật túc nhân nguyện hạnh công đức chỉ sở thành tựu*”. Trước hết, nói về Nguyện.

(Sao) Đại Bản Pháp Tạng nguyện văn: “Ngũ tác Phật thời, sát trung Bồ Tát, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần, tất giai như Phật”.

(鈔)大本法藏願云：我作佛時，剎中菩薩，神通智慧辯才，相好威神，悉皆如佛。

(Sao: Theo kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần của hàng Bồ Tát trong cõi nước đều giống như Phật”).

Đoạn này là một lời nguyện trong bốn mươi tám nguyện. Ở đây, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng tu, chúng sanh trong mười phương thế giới, bất luận là đường nào, mười pháp giới kể cả Phật pháp giới đều phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Chắc là có kẻ hỏi: “Đã thành Phật mà còn phải phát nguyện ư?” Đúng vậy, chẳng sai! Vì Phật có bốn loại, trừ Viên Giáo Phật ra, Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, và Biệt Giáo Phật đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Sanh Tịnh Độ để làm gì? Để thành Viên Giáo Phật. Vì những vị Phật [trong các giáo] khác, [trừ Viên Giáo ra], đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, chưa đạt đến Vô Thượng; chỉ riêng Viên Giáo Phật mới là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy có thể biết, Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới cho đến chúng sanh trong ác đạo, nếu có duyên phận gặp gỡ bộ kinh điển này, người Hoa gọi “duyên phận” là “phước khí”. Người ấy có phước khí gặp bộ kinh điển này, đã gặp rồi lại có thể lý giải, có thể tin tưởng, nương theo kinh điển này để tu hành, sẽ có phần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy có thể vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn làm Bồ Tát. Sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, và oai thần của người đó giống như A Di Đà Phật, “tất giai như Phật” (thầy đều như Phật). Vì vậy, thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, chẳng thể nghĩ bàn; thật sự là pháp khó tin!

(Sao) Kim lai thành Phật, đắc toại sở nguyện dã.

(鈔)今來成佛，得遂所願也。

(Sao: Nay đã thành Phật, bèn được toại nguyện).

Đức Di Đà nay đã thành Phật; vì vậy, nguyện nào cũng đều được thực hiện, chẳng có nguyện nào là giả, nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện cũng đều chân thật. Từ bốn mươi tám nguyện, có thể liễu giải trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dưới đây là nói đến hạnh.

Đã có nguyện thì còn phải có hạnh, dùng hạnh để thực hiện nguyện, phải làm được từng điều đại nguyện.

(Sao) Hạnh giả, Đại Bản ngôn nhĩ thời Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành lục độ, quảng hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề tâm, hạnh kim thành tựu, hữu tư trang nghiêm dã.

(鈔)行者，大本言爾時法藏教化眾生，修行六度，廣行教化。致無量眾生，發菩提心，行今成就，有斯莊嚴也。

(Sao: Hạnh là như kinh Đại Bản nói lúc ấy, Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành lục độ, giáo hóa rộng rãi khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Nay hạnh thành tựu, nên có sự trang nghiêm như vậy).

Đoạn này nói tới Hạnh. Trong nhân địa, không chỉ là A Di Đà Phật tự mình tu hành, ngoài việc tự mình tu hành ra, chuyện rất trọng yếu là “*giáo hóa chúng sanh*”, phải giúp đỡ người khác tu hành. Chư vị phải hiểu, giúp người khác là tự hành, tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Nếu chỉ có tự hành, không chịu hóa tha, tâm lượng chẳng dễ gì rộng mở, Ngã Chấp chẳng dễ gì phá trừ. Trong Bồ Tát hạnh, nói thật ra, giáo hóa chúng sanh còn quan trọng hơn tự hành, niệm niệm nghĩ tới hết thấy chúng sanh, quên sạch chính mình, Ngã và Ngã Sở chẳng phá mà tự nhiên chẳng còn, tâm mới đạt được thanh tịnh. Tâm đạt được thanh tịnh bèn có cảm ứng, chúng ta gọi tâm thanh tịnh là “*công phu thành phiền*”, đó là tâm thanh tịnh. Nếu chẳng có Kiến Tư phiền não, bèn đắc Sự nhất tâm bất loạn. Có thể phá một phẩm vô minh, bèn đắc Lý nhất tâm bất loạn. Tu tâm thanh tịnh từ chỗ nào? Tôi khuyên các đồng tu niệm niệm vì hết thấy chúng sanh, chớ nên vì chính mình. Vì chính mình, nói thật thà, sẽ là niệm câu A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là vì chính mình. Vì chính mình thì chỉ có một chuyện này. Trừ chuyện này ra, niệm niệm đều nhằm lợi ích chúng sanh.

Tất cả hết thấy những thứ sắp đặt và thiết bị trong đạo tràng của chúng ta đều nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng phải vì chính mình. Nếu có một niệm “*đạo tràng là của chính mình*”, sai mất rồi, sai lầm quá đỗi! Mỗi người trụ trong đạo tràng này, tục ngữ thường nói: “*Thiết đả thường trụ, lưu thủy tăng*” (Chúng thường trụ như sắt rèn, tăng như nước chảy), [ý nói] thường trụ là vĩnh viễn ở nơi này, còn chúng ta cư trụ ở chỗ này, đến đến đi đi thì là “*lưu thủy tăng*”. Tuy là lưu thủy tăng, ta trụ ở đây một ngày, bèn có trách nhiệm yêu mến bảo vệ một ngày, có trách nhiệm chăm

sóc một ngày. Yêu thương, bảo vệ, chăm sóc là lợi ích hết thảy chúng sanh. Thường trụ dọn dẹp sạch sẽ, sắp đặt bàn ghế ngay ngắn để đại chúng đến cộng tu ở chỗ này, đó là lợi ích hết thảy chúng sanh. Đây chính là ý nghĩa giáo hóa của Như Lai. Ngàn muôn phân đừng nghĩ ta trụ nơi đây chưa tới hai ngày, nơi đây chẳng liên quan gì đến ta, [nghĩ như vậy] là sai mất rồi! Quý vị vẫn là tự tư tự lợi, tâm lượng quá nhỏ hẹp. Do đó, điều này có ý nghĩa hết sức sâu xa!

Câu tiếp theo nói đến tổng cương lĩnh trong sự giáo hóa chúng sanh của Phật, Bồ Tát, “*tu hành lục độ*”. Lục độ là vô lượng hạnh môn của Bồ Tát được quy nạp lại, chẳng ngoài sáu loại lớn ấy.

1) Thứ nhất là bố thí. Bố thí là buông xuống; thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, buông đến tột cùng. Thừa cùng quý vị, buông tất cả phiền não xuống, quý vị sẽ chẳng có phiền não. Nay quý vị có phiền não là vì quý vị chẳng chịu buông xuống. Hãy buông sanh tử xuống, nay quý vị có sanh có tử là vì quý vị chẳng chịu buông sanh tử xuống. Buông luân hồi xuống, mười pháp giới cũng buông xuống, vì sao? Vì những thứ ấy đều là vọng tưởng, quyết định chẳng phải là sự thật. Phiền não là vọng tưởng, sanh tử là vọng tưởng, luân hồi là vọng tưởng, mười pháp giới vẫn là vọng tưởng, buông xuống bèn tự tại.

2) Thứ hai là trì giới. Trì giới là vâng giữ luật lệ. Trong kinh, đức Phật bảo chúng ta: “*Phật pháp ở trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian*”. Bản thân chúng ta buông hết thân, tâm, thế giới xuống, xác thực là siêu phàm nhập thánh, chẳng phải là phàm phu, mà là thánh nhân. Tuy là thánh nhân, chúng ta vẫn sống trên thế gian, vẫn ở cùng một chỗ với đại chúng, tâm chúng ta thanh tịnh, họ chẳng thanh tịnh. Vì thế, pháp thế gian có pháp lệnh, quy định, quan niệm đạo đức, phong tục, tập quán, thứ gì chúng ta cũng đều phải tuân thủ. Không chỉ là tuân thủ, mà còn tuân thủ rất nghiêm ngặt, nêu gương, làm mẫu cho người thế gian. Mỗi người đều vâng giữ khuôn phép, xã hội sẽ hòa thuận, thiên hạ thái bình. Bồ Tát đại từ đại bi giáo hóa chúng sanh, giữ lễ, giữ pháp. Có thể thấy dụng ý này rất sâu!

3) Thứ ba là nhẫn nhục. Nhẫn nhục là nhẫn nại, bất luận chuyện gì cũng đều phải nhẫn. Nói thật ra, Bồ Tát buông xuống hết thảy, há còn có gì phải nhẫn? Đối với Bồ Tát mà nói, nhẫn chẳng có ý nghĩa gì hết! Tuy Ngài chẳng phải nhẫn, cũng phải ra dáng nhẫn, tức là phải làm ra vẻ nhẫn nhục cho người khác thấy. Không chỉ là ngôn giáo (dạy bằng lời nói), mà còn có thân giáo, tức là chính mình nêu gương cho đại chúng nhìn vào. Có rất nhiều người nghe mấy câu chẳng đẹp lòng cho lắm, trở về bực tức,

cầu kinh nhiều ngày, đó là như thế nào? Chẳng thể nhẫn! Đó gọi là “*tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu*” (chuyện nhỏ mà không nhẫn được, sẽ hỏng những điều mưu tính to lớn). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết pháp đắc thành u nhẫn*” (Hết thầy pháp do Nhẫn mà thành tựu). Nếu muốn thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng kiên nhẫn sẽ không thể thành công.

Ví như niệm Phật, mỗi ngày niệm một vạn câu Phật hiệu. Quý vị thiếu kiên nhẫn sẽ chẳng niệm được. Mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ hai lần, thiếu kiên nhẫn sẽ chẳng niệm được, nhất định phải nhẫn nại. Chuyện thế gian và xuất thế gian đều phải nhẫn nại! Nhẫn nhục là tiền phương tiện của Thiên Định, và cũng là công phu dự bị. Chẳng thể nhẫn, chẳng thể đắc định. Nói thật ra, trong Phật môn, đích xác chẳng có cách nào lừa gạt người khác. Ví dụ như có người khoe chính mình có công phu định lực rất sâu, quý vị nói mấy câu chẳng trúng ý kẻ ấy, coi thử kẻ đó có bực tức hay hông? Hễ kẻ ấy nổi cáu tức là công phu định lực giả trá, chẳng thật. Người đắc Định làm sao tức giận cho được? Chẳng thể nào! Người có thể nhẫn sẽ chẳng nổi nóng. Chửi người ấy mấy câu, người ấy vẫn bực bội thì tức là chẳng có công phu định lực. Không chỉ chẳng có công phu định lực, mà nhẫn nhục cũng chẳng tu đến mức, còn nói đến định chi nữa! Vì thế, khảo nghiệm kiểu này là lộ rõ ngay!

4) Sau khi đã có thể nhẫn thì mới có tinh tấn, cũng có nghĩa là mới có tiến bộ. Kẻ chẳng thể nhẫn, chẳng nói tới chuyện tiến bộ được! Hết thầy các pháp đều có thể nhẫn, đạo nghiệp của người ấy rất tiến bộ. Điều khẩn yếu của tiến bộ là như đức Phật đã yêu cầu chúng ta, phải tinh tấn. “*Tinh*” là tinh thuần. Phải nên tinh tấn, chớ nên tạp tấn. Tạp là tạp loạn, rối ren. Tuy mỗi ngày đều có tiến bộ, nhưng chẳng có tác dụng, không thể thành tựu, luống uổng công phu, mà cũng uổng phí thời gian.

5) Sau đây mới có thể đắc Thiên Định.

6) Có Thiên Định thì mới có thể sanh ra trí huệ. Trí huệ sanh từ Thiên Định.

Đó là sáu đại cương lãnh để Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh.

“*Quảng hành giáo hóa*”: Dùng sáu đại cương lãnh này để phổ biến, mở rộng, giáo hóa trong hết thầy các pháp giới khắp mười phương. “*Trí vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề tâm*” (Khiến cho hết thầy chúng sanh phát Bồ Đề tâm): Sau khi chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, Bồ Tát, họ bị cảm động, từ đây trở đi bèn quay đầu, giác chứ không mê, đó là phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là giác tâm, từ đây trở đi, người ấy sẽ chẳng mê hoặc, điên đảo, đã giác ngộ. Đó là giác tâm. “*Hạnh kim thành tựu, hữu*

tu trang nghiêm dã” (Nay hạnh đã thành tựu bèn có sự trang nghiêm như thế). Sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gần như mỗi vị Bồ Tát đều là thượng hành, hạ hóa, vì thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo và oai thần của các Ngài đều chẳng sai khác đức Phật cho mấy. Nhất là thần thông chẳng thể nghĩ bàn, có thể phân thân vô lượng. Bản thân ở trước đức Phật nghe Phật thuyết pháp, phân thân đến mười phương thế giới hóa độ chúng sanh. Phân thân chẳng là phân ra một thân, mà là phân thành vô lượng thân. Nơi nào chúng sanh có cầu, Ngài bèn hiện thân giáo hóa. Trong tâm chúng sanh mong mỏi thân gì, Ngài bèn hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Tùy thuận cái tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”, kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Hạ hạ phẩm vô số sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thần thông, trí huệ và biện tài như vậy, họ đều làm được. Vì lẽ đó, pháp môn này (pháp môn Tịnh Độ) và thế giới này (cõi Cực Lạc) thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm thù thắng khôn sánh. Đó là giảng giải câu “*thành tựu như thị công đức trang nghiêm*”.

(Sao) Tịnh hoa chúng giả, như Tịnh Danh kinh.

(鈔)淨華眾者，如淨名經。

(Sao: “Tịnh hoa chúng” là như kinh Tịnh Danh [đã nói]).

Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cát.

(Sao) Thất chủng tịnh hoa.

(鈔)七種淨華。

(Sao: Bảy thứ hoa thanh tịnh).

Cũng là bảy thứ tịnh nghiệp. “*Hoa*” tượng trưng cho cái nhân. Thực vật nở hoa trước, kết quả sau, nên nhà Phật dùng hoa để biểu thị nhân hạnh. “*Nhân viên quả mãn*”: Nếu nhân đã tu viên mãn bèn kết quả. Đây là tỷ dụ Bồ Tát hạnh như hoa. Chúng ta thấy hoa, bèn nghĩ phải tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh, nói cụ thể thì ở đây bèn nói ra bảy thứ. Phải hiểu ý nghĩa này, không chỉ là thấy hoa trong Phật đường [bèn biết] nó biểu thị pháp, biểu thị Bồ Tát hạnh. Hễ thấy hoa, bèn nghĩ ta phải tu bảy hạnh ấy. Quý vị rời khỏi Phật đường, thấy hoa bên ngoài thì cũng phải nghĩ tới [Bồ Tát hạnh]. Không chỉ là ở bất cứ nơi đâu, hễ trông thấy hoa bèn nghĩ tới, mà [nhìn thấy] hoa giả chế tạo bằng thủ công cũng là hoa, thậm chí quần áo

mặc trên người có hoa, cũng là hoa. Chỉ cần trông thấy hoa, bèn nghĩ tới bảy thứ tịnh hoa được nói ở đây, quý vị phải nghĩ tới. Thời thời khắc khắc chẳng quên tịnh hạnh, tu tịnh nghiệp, đó là đúng. Chớ nên nghĩ cúng hoa trước Phật thì mới là biểu thị pháp, [còn những hoa] chẳng ở trước Phật bèn chẳng biểu thị pháp! [Nếu nghĩ như vậy thì] sai mất rồi! Học Phật đừng học ngây ngốc như vậy, lìa khỏi Phật đường bèn chẳng có Phật pháp, sao lại như thế được? Phật pháp không lúc nào, không chỗ nào chẳng tồn tại. Do đó, không lúc nào, không chỗ nào chẳng phải là đạo tràng của Bồ Tát.

(Sao) Nhất giả, giới tịnh, tam nghiệp tịnh cố.

(鈔)一者戒淨，三業淨故。

(Sao: Một là giới tịnh, do ba nghiệp thanh tịnh).

Là trì giới.

(Diễn) Giới tịnh, vị thân khẩu ý thí chung thanh tịnh, tức Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng dã.

(演)戒淨，謂身口意始終清淨，即正語正業正命也。

(Diễn: Giới tịnh có nghĩa là thân, miệng, ý từ đầu tới cuối thanh tịnh, tức là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng).

“Thân” là tạo tác, cử chỉ, hành động nơi thân thể. “Khẩu” là ngôn ngữ; “ý” là tư tưởng kiến giải, ý là nói tới tâm. Trong “giới tịnh” ở đây, điều quan trọng nhất là ý nghiệp thanh tịnh, vì ý nghiệp đã thanh tịnh, thân và miệng chẳng thể nào không thanh tịnh. Phật, Tổ dạy chúng ta “trì giới niệm Phật”. Hiện thời trong xã hội này, cho đến trong thế giới ngày nay, nói đến chuyện trì giới, kẻ bình phàm rất khó tiếp nhận, nhất là hiện thời đang nói đến dân chủ, tự do, mỗi cá nhân đều làm chủ, ai giữ giới của ai? Ai cũng chẳng muốn giữ giới của ai hết, chuyện này khó lắm. Thích Ca Mâu Ni Phật chế định giới luật, nhưng nói thật ra, giới luật chẳng do Ngài chế định, quý vị nói Ngài chế định, oan uổng quá! Ngài còn phải khởi tâm động niệm chế định các giới điều cho chúng ta thì nói thật thà, Ngài là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Giới luật do đâu mà có? Giới luật là Tánh Đức trong bản tánh của hết thảy chúng sanh, [thế nhưng] chúng ta không biết, chúng ta đã mê, Ngài thấy rõ ràng, rành rẽ, bèn nói cho chúng ta biết từng điều một. Đó là lương tri, lương năng vốn trọn đủ trong bản tánh của chúng ta, Ngài chế định ở chỗ nào? Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rất rõ ràng: Trong bốn mươi chín năm, Ngài chưa hề thuyết

pháp một câu nào! Há Ngài chế định giới luật gì ư? Do vậy có thể biết, chế định hết thảy giới luật, hết thảy kinh luận ngôn ngữ đều do tự tánh tự nhiên lưu lộ, tuyệt đối chẳng hề khởi tâm động niệm. Vì thế, Ngài thanh tịnh.

Do vậy có thể biết, giới là thanh tịnh, nay chúng ta ba nghiệp thân, ngữ, ý, đều chẳng tịnh, chúng ta giữ giới thanh tịnh sẽ có thể khôi phục tự tánh thanh tịnh của chúng ta. Cổ đức nói: “*Thanh thủy châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh*” (Thanh thủy châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong), chính là đạo lý này. Thanh thủy châu (清水珠) là gì? Là giới luật. Nay tâm chúng ta chẳng thể thanh tịnh, có cần dùng phương pháp này để thanh tịnh cái tâm hay không? Làm thế nào để có thể khiến cái tâm ta thanh tịnh? Đức Phật trao cho quý vị tịnh thủy châu, quý vị chẳng tin, chẳng muốn dùng nó, vậy là chẳng có cách nào cả! Chúng ta phải biết giá trị! Có rất nhiều người không hiểu chuyện, nên thấy giới luật trói buộc con người, bảo “lẽ do Nho gia chế định là thứ lễ giáo ăn thịt người”, há có nghiêm trọng như vậy ư? Hiện thời, lễ bị vứt bỏ, hằng ngày kèn cựa lẫn nhau!

(Sao) Nhị giả tâm tịnh, phiền não kết lậu tận cố.

(鈔)二者心淨，煩惱結漏盡故。

(Sao: Hai là tâm tịnh, do đã hết phiền não, kết lậu).

Thứ hai là tâm tịnh.

(Diễn) Tâm tịnh, vị tam thừa chế phiền não, đoạn kết lậu tận, tức Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định đã.

(演)心淨，謂三乘制煩惱，斷結漏盡，即正精進正念正定也。

(Diễn: Tâm tịnh nghĩa là tam thừa chế ngự phiền não, đoạn sạch kết lậu, tức là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định).

Dùng Bát Chánh Đạo để giải thích tâm thanh tịnh. Tam Thừa là nói Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Ba hạng người này có thể chế phục phiền não. “Chế” (制) là chế phục phiền não, ở đây là Kiên Tư phiền não. Người ấy biết nhất định phải dùng lý trí để khắc phục phiền não. “Phiền não” là cảm tình dục vọng xung động, là tập khí từ vô thủy kiếp tới nay, nó tự nhiên có thể tác động. Nhất là trong xã hội hiện thời được gọi là “xã hội rộng

mở”, cũng là xã hội tự do, chẳng có ước thúc, sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá to. Chư vị phải biết: Vào thời đại đế vương xưa kia, tuy chuyên chế, nhưng chẳng cho phép dụ dỗ, mê hoặc con người tạo nghiệp, cấm chỉ dấy lên ác niệm hoặc dấy lên tham, sân, si, vì sao? Ngăn ngừa từ những điều sai trái nhỏ nhất, chấm dứt những thói xấu đang manh nha, xã hội mới có thể đạt đến an ninh thật sự.

Ba mươi năm trước, có người hỏi tiên sinh Phương Đông Mỹ: “Phải làm như thế nào để phục hưng văn hóa Trung Hoa?” Lão nhân gia nói: “Trước hết, nhất loạt đình bản báo chí và tạp chí trên cả nước, nhất loạt dẹp bỏ các đài phát thanh và truyền hình”. Khi đó, các quan chức thuộc Bộ Giáo Dục nghe nói đều lắc đầu, chẳng làm chuyện ấy được! Cụ Phương nói: “Vậy là chẳng có cách nào hết! Những thứ ấy hằng ngày dụ dỗ, mê hoặc người ta tạo tác tham, sân, si, mạn, phá hoại văn hóa cố hữu của Trung Hoa. Quý vị chẳng nhỡ trừ tận gốc những thứ phá hoại văn hóa, sẽ chẳng có cách nào khôi phục!” Nhìn từ chỗ nào, [quý vị nghĩ xem] có thể phục hưng văn hóa cố hữu hay không? Chẳng thể nào! Quá khứ vĩnh viễn trôi qua, chẳng thể nào khôi phục lại. Chỉ có một số rất ít người thật sự tự mình giác ngộ, họ đọc sách cổ, làm theo giáo huấn của cô nhân, cá nhân người ấy được lợi ích. Chẳng thể nào giống như xưa kia, dùng phương thức chánh trị và mệnh lệnh có thể buộc hết thầy đại chúng trong toàn thể xã hội cùng nhau học tập, hiện thời chẳng thể làm như vậy được!

Phải biết khắc phục phiền não của chính mình, khắc phục dục vọng của chính mình. Hễ có những chuyện xung động, dẫn khởi [phiền não, dục vọng], chính mình phải ngay lập tức nghĩ đến hậu quả, hậu quả của tham, sân, si, mạn là trong tam đồ. Cô nhân nói là “*đao đầu thí mật*” (ném mật ở lưỡi đao): Đao sắc bén, trên lưỡi đao bôi một chút mật, quý vị liếm nó, ném vị ngọt thì lưỡi cũng bị xén đứt, cái được chẳng thể bù nổi cái mất. Huống hồ có phải là có chân lạc hay không? Quyết định là chẳng có, những gì quý vị đạt được đều là khổ. Những gì đạt được trong hiện tiền là khổ, tương lai càng khổ hơn, có mấy ai biết? Người thế gian mê hoặc, điên đảo, chẳng biết đó là khổ, ngỡ khổ là chuyện vui, mai sau còn có nỗi khổ to tát đang chờ đợi họ, chính là quả báo trong tam đồ. Chỉ có Tam Thừa, đó là [những bậc] Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, họ không mê, đã hiểu rõ, cho nên trong tâm họ vừa khởi tâm động niệm, bèn lập tức có thể chế phục. Niệm thứ nhất là vọng niệm, không sao cả, cô nhân thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, quý vị phải giác nhanh chóng! Niệm thứ hai là giác, ý niệm bèn chuyển, người niệm Phật chúng ta chuyển niệm thứ hai thành A Di Đà Phật.

Trong xã hội hiện tại, sức dụ dỗ, mê hoặc quá lớn, cơ hội quá nhiều, nên tôi nói với người khác: Trong gia đình, hễ là những nơi thường xuyên hoạt động ở đó, hãy dán hình Phật, Bồ Tát khắp nơi. Đừng nghĩ làm như vậy là thiếu cung kính, chẳng có gì thiếu cung kính! [Làm như vậy] để thời thời khắc khắc cảnh giác chính mình, ta sẽ quay đầu. Như vậy là đúng. Chúng tôi in rất nhiều tượng Phật, rất nhiều danh hiệu Phật, để mọi người đem dán khắp nơi, khiến cho quý vị trong mười hai thời, mắt có thể tiếp xúc, tai có thể nghe. Chúng ta dùng máy niệm Phật, dùng băng thâu âm, không gì chẳng nhằm thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị quay đầu! Vọng niệm thứ nhất dấy lên, vọng niệm thứ hai bèn trở về A Di Đà Phật. Nếu nghi ngại là cung kính hay chẳng cung kính thì nói cách khác, vọng niệm của quý vị sẽ tăng trưởng; đó chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Ý nghĩa của Phật là mong cho chúng ta trong mười hai thời thân tâm thanh tịnh. Do vậy, phải hiểu ý nghĩa thật sự và tầm trọng yếu của việc chế phục phiền não.

“*Đoạn kết lậu tận*”, “*Kết*” (結) là tên gọi chung của phiền não, khởi đầu là chế phục, chế phục đến cuối cùng sẽ đoạn. Người thế gian thường nói: “Trong tâm có kết (có điều vẩn vít)”. Kết là gì? Nói đơn giản là chấp trước, nghĩ không thông, cứ lẩn quẩn suy lường, đó là Kết. Kết ở chỗ nào? Quý vị tìm thử xem, có tìm được Kết hay chẳng? Giải phẫu toàn thể thân tâm, coi thử trong tế bào nào có Kết? Tìm chẳng thấy! Vì thế, nói cho quý vị biết: Kết là giả, chẳng thật, nó là vọng tưởng, nhất định phải đoạn trừ. “*Lậu tận*” (漏盡) là đoạn sạch phiền não, đoạn hết Kiến Tư phiền não. Đó là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định trong Bát Chánh Đạo.

(Sao) Tam giả, kiến tịnh, kiến pháp chân tánh, bất khởi vọng tưởng cố.

(鈔)三者見淨，見法真性，不起妄想故。

(Sao: Ba là kiến tịnh, vì thấy chân tánh của pháp, chẳng dấy lên vọng tưởng).

“*Kiến*” (見) là kiến giải. Giới phải tịnh, giới là khuôn phép trong cuộc sống. Nói cách khác, là hành vi trong cuộc sống. Hành vi trong cuộc sống phải thanh tịnh, tâm phải thanh tịnh, kiến giải phải thanh tịnh.

(Diễn) Kiến tịnh, vị kiến nhất thiết pháp chi chân tánh, bất khởi vọng tưởng, tức Chánh Kiến, Chánh Tư Duy đã.

(演)見淨，謂見一切法之真性不起妄想，即正見正思惟也。

(Diễn: Kiến tịnh là thấy chân tánh của hết thấy các pháp, chẳng khởi vọng tưởng, tức là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy).

Hết thấy các pháp, bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chúng ta đối với pháp thế gian chẳng mê, mà đối với pháp xuất thế gian cũng không mê. Có rất nhiều người học Phật chẳng mê pháp thế gian, [điều này] chẳng dễ dàng, khó có, nhưng lại mê nơi Phật pháp, bị Phật pháp mê. Kẻ ấy vẫn mê y hết, [chỉ là] thay đổi đối tượng, đổi pháp thế gian thành pháp xuất thế gian, vẫn là vô dụng! Phật pháp là phá mê khai ngộ, chẳng bảo quý vị thay đổi đối tượng! Vì vậy, sau khi thật sự giác ngộ, “*Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ*”, nói rõ pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều chẳng mê! Kinh luận không gì chẳng nhằm giúp quý vị minh tâm kiến tánh mà thôi! Trong kinh luận chẳng có tâm tánh, trong kinh luận chẳng có Phật pháp, Phật pháp ở chỗ nào? Phật pháp ở ngay trong tâm quý vị, nhằm dạy quý vị hãy tự ngộ, tự độ. Nói “*Phật chẳng độ chúng sanh*” là do ý nghĩa này. Vì thế, kiến giải phải thanh tịnh.

“*Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng dấy lên một niệm. Dấy lên một niệm đều là vọng niệm. Chẳng dấy niệm, kiến giải sẽ thanh tịnh. Ba điều trên đây (giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh) đều thuộc về Tự Phần. Tự Phần là chính mình, tự tu!

(Sao) *Tứ giả độ nghi tịnh, kiến thâm nghi đoạn cố.*

(鈔) *四者度疑淨，見深疑斷故。*

(Sao: Bốn là độ nghi tịnh, là kiến giải sâu xa, nghi hoặc đoạn trừ).

“*Nghi*” (疑) là nghi hoặc, là tham, sân, si, mạn, nghi trong phiền não. Nếu chẳng đoạn trừ nghi, trong tu hành cũng bị chướng ngại rất lớn.

(Diễn) *Độ nghi tịnh giả, nhược kiến vị thâm, đương thời tuy liễu, hậu hoặc sanh nghi; nhược kiến thâm nghi đoạn, danh độ nghi tịnh.*

(演) *度疑淨者，若見未深，當時雖了，後或生疑；若見深疑斷，名度疑淨。*

(**Diễn:** “*Độ nghi tịnh*”: Nếu kiến giải chưa sâu, tuy trong lúc ấy đã hiểu, về sau có lẽ sanh nghi. Nếu kiến giải đã sâu, nghi đã đoạn, bèn gọi là “*độ nghi tịnh*”).

Chư vị thấy mấy câu này liền suy nghĩ: Có lúc chúng ta nghe kinh dường như nghe rất hiểu, sau khi ra khỏi công lại hoài nghi. Vài hôm sau càng nghi sâu hơn, hoàn toàn chẳng tin nữa! Đó là do kiến giải chẳng thấu triệt, chưa hiểu rõ lý luận, nên mới có hiện tượng này. “*Kiến thâm*” là thâm nhập pháp tạng (tôi chẳng nói là “kinh tạng”). Thật sự thấu hiểu thật sâu kinh luận thì mới có thể thật sự đoạn nghi sanh tín. Phương pháp thâm nhập pháp tạng rất nhiều. Phương pháp thứ nhất là quyết định chẳng hoài nghi, dùng tâm thanh tịnh để đọc tụng, cứ niệm từng lượt một. Niệm suốt ba năm, hay niệm suốt năm năm, mười năm, không nhất định là do cơ duyên nào, quý vị bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì sao? Quý vị kiến giải đã sâu. Khi đọc bèn thâm nhập một môn, suốt một đời niệm một bộ kinh, [hễ chỉ niệm] một bộ kinh bèn khai ngộ. Lại tiếp xúc hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, Hậu Đắc Trí sẽ viên mãn, không gì chẳng biết. Nhưng muốn thật sự đạt tới đại triệt đại ngộ, không gì chẳng biết, nhất định là phải thâm nhập một môn. Vì vậy, “*độ nghi tịnh*” là từ thâm nhập một môn. Phương pháp khác là nghe giảng, nghe giảng cũng phải là nghe chẳng ngừng. Tốt nhất là nghe một bộ kinh. Nhưng cơ duyên này rất khó có; hiện thời, dễ hơn đôi chút, có băng thâu âm, nghe đi nghe lại từng lượt một, còn có cơ hội như vậy. Xưa kia khó khăn! Trước kia, trong các đại tụng lâm, các vị tổ sư đại đức hễ giảng kinh bèn giảng một bộ. Rất nhiều vị pháp sư suốt đời giảng một bộ kinh, giảng xong lại giảng từ đầu. Như Thanh Lương đại sư suốt đời giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lượt, mỗi ngày giảng tám tiếng đồng hồ, mỗi năm có thể giảng một bộ, giảng từ đầu đến cuối một lượt tối thiểu phải hơn ba ngàn giờ. Mỗi năm giảng một lượt, Ngài giảng suốt năm mươi năm, năm mươi lần là giảng suốt năm mươi năm. Lão nhân gia trường thọ, Ngài sống hơn trăm tuổi. Quý vị nghĩ xem tâm ấy có thanh tịnh lắm không? Kinh Di Đà tuy ngắn, cổ đại đức có vị suốt đời giảng ba bốn trăm lần cũng là giảng cùng một bộ kinh. Đây mới là thật sự thực hiện “*kiến thâm, nghi đoạn*”. Đó là “*độ nghi tịnh*”. Chính mình chẳng nghi ngờ thì mới có thể giáo hóa chúng sanh. Tâm thái và ngôn ngữ giáo hóa chúng sanh của quý vị mới là chém đĩnh, chặt sắt, khẳng định, chẳng khiến cho người khác nghe xong bần khoản đôi ngả, do dự không quyết, chẳng đạt được lợi ích.

(Sao) Ngũ giả phân biệt đạo tịnh, thị đạo nghi hành, phi đạo nghi xả cố. Lục giả hành đoạn tri kiến tịnh, sở hành sở đoạn thông đạt cố.

(Diễn) Hành đoạn tri kiến tịnh giả, hành vị khổ nan, khổ dị, lạc nan, lạc dị, tứ hành dã. Đoạn vị đoạn chư kết dã, học địa trung bát trí, vị năng tự tri sở hành sở đoạn, ký đắc vô học, tận trí vô sanh trí tất tự tri kiến, sở hành sở đoạn, thông đạt phân minh, thị danh hành đoạn tri kiến tịnh.

(鈔)五者分別道淨，是道宜行，非道宜捨故。六者行斷知見淨，所行所斷通達故。

(演)行斷知見淨者，行謂苦難、苦易、樂難、樂易，四行也。斷謂斷諸結也，學地中八智，未能自知所行所斷，既得無學，盡智無生智悉自知見，所行所斷，通達分明，是名行斷知見淨。

(Sao: Năm là phân biệt đạo tịnh: Đúng là đạo thì hãy nên hành; chẳng phải là đạo thì hãy nên bỏ. Sáu là hành đoạn tri kiến tịnh vì thông đạt những điều nên hành, nên đoạn.

Diễn: “Hành đoạn tri kiến tịnh”: Hành có nghĩa bốn hạnh khổ khó, khổ dễ, lạc khó, lạc dễ. “Đoạn” là đoạn các kết (phiền não). Nơi địa vị hữu học, đối với tám trí chưa thể tự biết những điều đã hành, đã đoạn của chính mình. Đã đạt đến Vô Học thì đối với Tận Trí và Vô Sanh Trí đều tự hay biết, thông đạt phân minh những điều đã hành, đã đoạn. Đó gọi là “hành đoạn tri kiến tịnh”).

“Bát trí” là nói theo Tiểu Thừa. Trong Giáo Thừa Pháp Số, Thiên Thai Tứ Giáo Nghi và Phật Học Từ Điển đều có [giảng giải các danh từ này]. Ở đây, tôi giới thiệu đơn giản tám danh từ ấy:

1) Thứ nhất là Tật Trí, Tật (疾) là nhanh chóng, biết rất nhanh, chẳng cần tự suy nghĩ, xem xét. Hễ tiếp xúc bèn biết.

2) Thứ hai là Thượng Trí (上智), có thể thấy nó chẳng phải là trí huệ bình phàm. Nay chúng ta nói là “trí huệ cao cấp”.

3) Thứ ba là Lợi Trí (利智), Lợi là trong “lợi độn” (nhạy bén hay chậm lụt).

4) Thứ tư là Thâm Trí (深智).

5) Thứ năm là Giải Thoát Trí (解脫智).

6) Thứ sáu là Bất Cộng Trí (不共智).

7) Thứ bảy là Quảng Phổ Trí (廣普智).

8) Thứ tám là Tất Cánh Trí (畢竟智).

Tám trí này phát xuất từ kinh Niết Bàn. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, trong địa vị Hữu Học, tức là quý vị còn chưa chứng quả, từ Tiểu Thừa Tam Quả trở xuống, đối với tám thứ trí ấy hoàn toàn chẳng hiểu rõ. Chính mình có phải là học như vậy hay không, có phải là tu học viên mãn hay chưa? Rốt cuộc công phu đạt đến mức độ nào, chứng đắc mấy phần? Người ấy hoàn toàn chẳng biết. Phải là đã chứng quả A La Hán, mới hiểu rành rẽ tám trí ấy, đó gọi là “*hành đoạn tri kiến tịnh*”.

(Sao) Thất giả, Niết Bàn tịnh, dĩ Vô Học cố.

(鈔) 七者涅槃淨，以無學故。

(Sao: Bảy là Niết Bàn tịnh vì đã thuộc địa vị Vô Học).

Vô Học là đã tốt nghiệp. Vô Học có Tiểu Thừa và Đại Thừa [sai khác]. [Vô Học trong] Tiểu Thừa là Tứ Quả La Hán, đó là Vô Học. Đại Thừa là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, Ngài đã tốt nghiệp pháp Đại Thừa, nên Vô Học (chẳng còn phải học nữa). Chúng ta thường nói Đại A La Hán thì Đại A La Hán là Thập Địa Bồ Tát. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.